

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 682/2022/DS-PT
Ngày: 22-11-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Thương
Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5342/2022/QĐPT-DS ngày 27/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: 85A T, phường E, Quận R (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1968, thường trú: 320/525 Y, Phường U, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 653/3 I, Phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 28/4/2021).

- Bị đơn:

1/Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1952

Địa chỉ: 154/117 S, Phường D, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Giang Quốc C, sinh năm 1972, thường trú: 151/117 S, Phường D, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, địa

chỉ liên hệ: 71/4D tổ G, ấp H, xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 22/7/2020).

2/Ông Bùi Văn N, sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956

Địa chỉ: 1041/62/59/47/20 T, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1968

Thường trú: 320/525 Y, Phường U, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 653/3 I, Phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Đ.

(Bà H, ông C, ông T có mặt, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Anh Đ ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Nguyên bà Bùi Thị T có thỏa thuận thống nhất với nguyên đơn ủy quyền cho nguyên đơn đại diện cho bà T để tham gia giải quyết tranh chấp đòi lại tài sản nhà đất tọa lạc tại số 168 V, phường P, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Phía nguyên đơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh và được thụ lý vụ án số: 376/2017/TB-VA ngày 20/11/2017 về việc: “ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu”.

Ngày 03/8/2018, bà Bùi Thị T bị tai biến đột ngột qua đời trong thời gian vụ án đang được Tòa án nhân dân Quận S giải quyết. Phía nguyên đơn đã tiếp tục hoàn tất các thủ tục về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho những người thân của bà T theo đúng quy định của pháp luật. Bà Đ và ông N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T trong vụ án trên.

Ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N, ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị Đ đã tự nguyện, thỏa thuận ký hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 với ông Phạm Văn T, Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Anh Đ với nội dung: Ủy quyền cho ông Đ, Bà H, ông T thay mặt và nhân danh ông N, Bà Đ tham gia tố tụng ở Tòa án nhân dân các cấp và quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án thụ lý số: 376/2017/TB-VA ngày 20/11/2017, cùng ngày các bên cũng thỏa thuận ký văn bản thỏa thuận hứa thưởng số công chứng: 021665 tại Văn phòng công chứng N.

Theo Bà H, phía ông Đ, ông T, Bà H đã làm đúng, làm tốt, thực hiện đúng theo nội dung được ủy quyền, bỏ chi phí tìm và thuê luật sư, người tư vấn pháp luật, soạn thảo đơn từ, hỗ trợ tư pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên ủy quyền. Tham gia đầy đủ các buổi làm việc, hòa giải, xét xử,

thông tin đầy đủ cho bên ủy quyền. Toàn bộ chi phí trong quá trình giải quyết vụ án với tư cách người đại diện theo ủy quyền đều do phía nguyên đơn bỏ ra.

Vào ngày 20/7/2019, những người có quan hệ huyết thống với bà Bùi Thị T như vợ con ông Bùi Văn R, vợ con ông Bùi Văn N, chồng con bà Bùi Thị Đ đã có cam kết không bỏ sót người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án và không hủy ngang tư cách đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, khoảng cuối tháng 7/2019, bên nguyên đơn phát hiện bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn N, vợ con ông Bùi Văn R đã cung cấp hồ sơ không trung thực, còn bỏ sót những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án như: con của ông Bùi Văn R, em ruột của bà Bùi Thị T là bà Bùi Thị C và bà Bùi Thị M. Bên nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Bùi Văn N cung cấp thông tin nhưng đều bị từ chối.

Vào ngày 18/10/2019, ông Lê Anh Đ nhận được thông báo đề ngày 15/10/2019 của ông N, bà Đ về việc đơn phương chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án đối với ông Đ, đồng thời thông báo bà Đ, ông N ủy quyền cho ông Giang Quốc C tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên là vi phạm nội dung Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 và Văn bản thỏa thuận hứa thưởng số công chứng: 021665 ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N và các văn bản cam kết khác mà các bên đã ký.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Giữ nguyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 tại Văn phòng công chứng N ngày 03/12/2018 giữa bên ủy quyền: bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn N và bên được ủy quyền: ông Lê Anh Đ, bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Phạm Văn T.

Bị đơn là bà Bùi Thị Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Giang Quốc C trình bày: Ông xác nhận ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N, hai bên có ký hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 giữa bên ủy quyền bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn N và bên được ủy quyền: ông Lê Anh Đ, bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Phạm Văn T với nội dung như đại diện phía nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền, phía ông Đ, bà H không trung thực về việc cung cấp thông tin và tiến độ của việc giải quyết vụ án, cụ thể: ngày 21/6/2019, Tòa án nhân dân Quận S có triệu tập đương sự tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng phía bà H - đại diện của ông Đ nói với bà Đ là không xét xử, theo ông C phía bên được ủy quyền có ý đồ riêng nên gia đình ông không tin tưởng để tiếp tục ủy quyền cho ông Đ, bà H và ông T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nêu trên nữa. Do vậy, ngày 15/10/2019 bà Đ, ông N đã gửi thông báo về việc chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án đối với ông Đ. Nay bà Đ không đồng ý để ông Đ, ông T và bà H tiếp tục làm người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ để tham gia giải quyết vụ án nêu trên theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018. bà Đ đề nghị hủy bỏ hợp đồng ủy quyền đối với ông Đ

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C đại diện cho bà Đ không đồng ý vì không còn tin tưởng phía ông Đ, bà H và ông T làm người đại diện ủy quyền cho bà Đ.

Bị đơn ông Bùi Văn N trình bày: Ngày 22/7/2020 ông có lập giấy ủy quyền tại Văn phòng công chứng D với nội dung: ông N ủy quyền cho ông Giang Quốc C là người đại diện cho ông để tham gia tố tụng trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền” tại Tòa án nhân dân Quận Q với nguyên đơn ông Lê Anh Đ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 19/11/2020, ông N xác định và thông báo ông đã chấm dứt việc ủy quyền đối với ông C theo giấy ủy quyền nêu trên và ông trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền với nguyên đơn là ông Lê Anh Đ.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2020 tại Tòa án nhân dân Quận Q, ông N đồng ý tiếp tục ủy quyền cho ông Đ, ông T và bà H là người đại diện cho ông và bà Đ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018. Do vậy, ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 tại Văn phòng công chứng N ngày 03/12/2018 mà các bên đã ký.

Ngày 11/01/2021, bị đơn ông N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giữ nguyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 tại Văn phòng công chứng N ngày 03/12/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giữ nguyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664 tại Văn phòng công chứng N ngày 03/12/2018.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh Đ.

Giữ nguyên hợp đồng ủy quyền số 021664 ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N giữa bên ủy quyền ông Bùi Văn N, bà Bùi Thị Đ với bên được ủy quyền gồm các ông (bà): Ông Phạm Văn T, Bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Lê Anh Đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0043826 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 20/6/2022, bị đơn là bà Bùi Thị Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Đ ủy quyền cho bà H trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q.

Bị đơn bà Đ ủy quyền cho ông C nộp bổ sung tài liệu gồm: Đơn đề nghị miễn giảm tiền án phí ngày 22/11/2022 lý do bà Đ thuộc trường hợp người cao tuổi, bản photo thông báo về việc chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Lê Anh Đ ngày 15/10/2019, hợp đồng ủy quyền ngày 30/5/2019. Đồng thời ông C trình bày: Bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018, lý do kháng cáo là phía nguyên đơn không trung thực trong việc cung cấp thông tin khi thực hiện hợp đồng ủy quyền, Bà Đ không còn tin tưởng phía nguyên đơn nên không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền giữa các bên.

Bị đơn là ông N gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đơn đề nghị miễn tiền án phí do ông thuộc trường hợp người cao tuổi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà H trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có đủ cơ sở xác định hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664, ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N giữa bên ủy quyền ông Bùi Văn N, bà Bùi Thị Đ với bên được ủy quyền gồm các ông (bà): Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Lê Anh Đ được lập tại phòng công chứng có hiệu lực và hợp pháp. Ngày 15/10/2019, phía bà Đ, ông N gửi thông báo đơn phương chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền đối với ông Đ là không đúng theo quy định tại Điều 51 Luật Công chứng năm 2014 nên kháng cáo của Bà Đ

đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Tuy nhiên, về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Đ và ông N, cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bà Đ phải chịu án phí là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ và ông N đều có đơn đề nghị miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi là có cơ sở để miễn án phí cho ông N, bà Đ.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và sửa về phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo ngày 20/6/2022 của bị đơn bà Bùi Thị Đ còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Bùi Văn N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bị đơn là bà Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng phía nguyên đơn không trung thực trong việc cung cấp thông tin khi là người đại diện theo ủy quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018.

Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N, bên ủy quyền (gọi tắt là bên A): Ông Bùi Văn N, bà Bùi Thị Đ và bên được ủy quyền (gọi tắt là bên B): Ông Phạm Văn T, Bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Lê Anh Đ có ký Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung:

1.Bên B được quyền thay mặt và nhân danh bên A liên hệ với Tòa án nhân dân Quận S, Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong vụ án nêu trên, được quyền tham gia tố tụng, được quyền nộp và nhận đơn khởi kiện, rút đơn khởi kiện, tham gia các giai đoạn (xét xử sơ thẩm/phúc thẩm) của vụ án nêu trên với tư cách là người đại diện theo ủy quyền, căn cứ theo những quy định hiện hành của pháp luật.

2.Trong phạm vi ủy quyền, bên B tự quyết định mọi vấn đề đã được ủy quyền, được tham dự các buổi giải quyết, hòa giải, xét xử khi được mời với tư

cách là tư cách nguyên đơn và trình bày các yêu cầu, xuất trình các chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên A.

3. Thù lao ủy quyền: Ủy quyền này không có thù lao.

4. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày hợp đồng ủy quyền này được chứng nhận cho đến khi có bản án hay quyết định có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc khi hợp đồng ủy quyền chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018 giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được công chứng, chứng thực theo đúng quy định của pháp luật, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Theo hợp đồng ủy quyền thì ông N, bà Đ ủy quyền cho ba người là ông Đ, ông T, bà H. Tuy nhiên, theo phía đại diện nguyên đơn trình bày thì ngày 15/10/2019 bà Đ, ông N chỉ thông báo đơn phương chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền đối với một mình ông Đ. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền của bị đơn là vi phạm hợp đồng ủy quyền đã ký giữa các bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C đại diện cho bà Đ nộp bản photo thông báo ngày 15/10/2019 và trình bày bà Đ đã gửi thông báo ngày 15/10/2019 về việc đơn phương chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án đối với ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Lê Anh Đ thông qua hình thức gửi bưu điện cho ông T, Bà H.

Xét, thông báo ghi sai họ ông Phạm Văn T thành Nguyễn Văn T. Mặt khác, các đương sự là ông T và bà H đều xác nhận không nhận được thông báo ngày 15/10/2019 của bà Đ, ông N về việc đơn phương chấm dứt tư cách đại diện ủy quyền đối với bà H, ông T nên lời khai của ông C đại diện cho bà Đ không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N là một trong các bên ủy quyền đồng ý tiếp tục ủy quyền cho ông Đ, bà H, ông T nhân danh và thay mặt ông N tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp trong vụ án nêu trên, đồng thời đề nghị giữ nguyên hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/12/2018.

Theo quy định tại Điều 51 Luật Công chứng năm 2014 quy định: “Việc công chứng, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó”.

Do vậy, ngày 15/10/2019, ông N, bà Đ thông báo đơn phương chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền đối với ông Đ theo hợp đồng ủy quyền ngày 03/12/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, phía bà Đ đề nghị hủy bỏ hợp đồng ủy quyền đã ký giữa các bên với lý do không tin tưởng nguyên đơn và cho rằng nguyên đơn không trung thực trong việc cung cấp thông tin nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giữ nguyên hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664, quyển số: 02.TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 03/12/2018 lập tại Văn phòng công chứng N giữa bên ủy quyền: Bà Đ, ông N và bên được ủy quyền: ông Đ, bà H, ông T là có cơ sở.

Từ những phân tích và viện dẫn pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Tuy nhiên, về phần án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn là bà Đ, ông N nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm là chưa chính xác. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông N và bà Đ cùng có đơn đề nghị miễn tiền án phí do ông, bà thuộc trường hợp người cao tuổi.

Xét, bà Đ sinh năm 1952, ông N sinh năm 1947 thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông N, bà Đ được miễn tiền án phí.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q về phần án phí theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4]Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn N và bà Bùi Thị Đ được miễn tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0043826 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0017132 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 401, 562, 563, 565, 566, 567, 568, 569 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 Luật Công chứng năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh Đ.

Giữ nguyên hợp đồng ủy quyền số công chứng: 021664, quyền số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 03/12/2018 tại Văn phòng công chứng N giữa bên ủy quyền: Ông Bùi Văn N, bà Bùi Thị Đ và bên được ủy quyền: Ông Phạm Văn T, Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Lê Anh Đ.

2.Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Đ, ông Bùi Văn N được miễn tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Anh Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0043826 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Đ được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0017132 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương